

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Ông Đinh Xuân Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Bùi Đức H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 16-5-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Do lối sống khác nhau, anh H ham mê cờ bạc nên vợ, chồng chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau, đánh nhau. Chị có khuyên nhưng anh H không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Từ đó, hai bên luôn xảy ra sung đột, bất hòa, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ khoảng tháng 4-2021 đến nay, chị và anh H đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi,

không còn liên lạc với nhau. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H không có con chung.
- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17-8-2022, anh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh Đức năm 2020. Sau khi kết hôn, anh và chị T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Trong quá trình sống chung, do tính cách và lối sống không phù hợp, luôn bất hòa nên giữa anh và chị T thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, đánh nhau; dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không hàn gắn được. Vì mâu thuẫn vợ chồng nên từ khoảng giữa năm 2021 đến nay, anh và chị T đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn liên lạc với nhau. Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh và chị T không có con chung.
- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Toà án xác minh, thu thập được thể hiện: Sau khi kết hôn vào năm 2020, chị T và anh H chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc. Từ khoảng giữa năm 2021 đến nay, chị T và anh H sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Chị T và anh H chưa có con chung.

Chị T và anh H đều đề nghị Toà án không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H. Về con chung, chị T và anh H không có; về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là anh Bùi Đức H, cư trú tại: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị T và bị đơn là anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 17-11-2020. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị T và anh H chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn sau khi kết hôn. Sau đó, do khác biệt về lối sống nên chị T và anh H thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Từ tháng 4-2021 đến nay, chị T và anh H sống ly thân, mỗi người một nơi, bỏ mặc nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có nguyện vọng hòa giải để hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ và đều đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị T và anh H đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị T và anh H không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H không có mặt tại phiên tòa nên đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Bùi Đức H.

2. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002609 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường M, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết Đinh Xuân Nhuận

Vũ Trọng Đạt